

Bản án số: 22/2017/HSST

Ngày 31/03/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền.

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HSST ngày 17 tháng 03 năm 2017 đối với bị cáo:

TRẦN ĐÌNH B, sinh năm 1967.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/10;

Con ông: Trần Đình T (Đã chết);

Con bà: Trần Thị X, sinh năm 1933

Trú tại: Thôn M, xã V1, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1971, Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con bé sinh năm 1995

Cùng trú tại: Xã M, huyện M1, tỉnh Nam Định.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2010.

Quyết định số 81 ngày 27/01/2011 của Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính Trần Đình B về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 05/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đưa Trần Đình B vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội thành phố Thái Bình thời hạn 01 năm kể từ ngày 22/4/2011.

Quyết định số 1673/QĐ-CT ngày 11/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đưa Trần Đình B vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục- Lao động - Xã hội thành phố Thái Bình thời hạn là 01 năm kể từ ngày 01/6/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2017 đến nay.

(Được trích xuất có mặt tại phiên toà)

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Đình B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 10/01/2017, tại thôn 2, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Vũ Thư phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tại túi áo khoác bên phải, phía trước Trần Đình B đang mặc 01 gói nhỏ, bên ngoài gói bằng nilon màu trắng trong suốt, bên trong gói bằng giấy có dòng kẻ, in chữ, trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục. B khai đó là gói hê rô in B mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi không biết tên, tuổi, địa chỉ vào hồi 10 giờ ngày 10/01/2017 tại khu vực đê sông H, thuộc địa phận xã X, huyện X1, tỉnh Nam Định, với giá 100.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân, trên đường mang về nhà thì bị bắt giữ.

Cơ quan Công an đã tiến hành niêm phong hợp pháp vật chứng thu giữ của Trần Đình B và trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 11/KLGD- PC 54 ngày 10/01/2017, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục thu của Trần Đình B gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,3172 gam (Không phẩy ba nghìn một trăm bảy mươi hai gam). Heroine STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ” .

Cáo trạng số 24/KSĐT ngày 15/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với Trần Đình B về tội “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với Trần Đình B và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 109/2015/QH 13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 144/2016/QH 13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 điều 7 và khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điều 41 Bộ luật Hình sự, điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị

tịch thu tiêu hủy số Hêrôin thu giữ của bị cáo được hoàn trả sau giám định. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Đình B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bởi các chứng cứ khác như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Vũ Thư lập hồi 13 giờ 15 phút ngày 10/01/2017 và biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Vũ Thư lập hồi 14 giờ 40 ngày 10/01/2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 01 đến số 05).

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Ông Trần Văn T, sinh năm 1955, trú tại thôn 7, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình và ông Phạm Văn T, sinh năm 1962, trú tại thôn 1, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 53 đến số 60);

- Bản kết luận giám định số 11/KLGD- PC 54 ngày 10/01/2017 của phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 09);

Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 10/01/2017, tại thôn 2, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình, Trần Đình B đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,3172 gam hê rô in, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của Trần Đình B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước ta, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và nhân dân ta, nhằm đẩy lùi, loại trừ tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Ma túy hiện nay đã trở thành một vấn nạn của toàn cầu: Ma túy chẳng những làm sa sút sức khoẻ trí tuệ con người, suy kiệt về kinh tế, phá vỡ hạnh phúc gia đình của bản thân người nghiện, mà nó còn là tác nhân lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội, là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình trật tự trị an, kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội. Ma túy đã gây ra những hoang mang lo ngại rất lớn trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã biết rõ tác hại của ma túy; biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy, nhưng vẫn cố tình tàng trữ trái phép ma túy. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương

xứng với mức độ phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Xét nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2010; bị cáo đã một lần bị Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và hai lần bị Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định đưa đi cai nghiện tập trung. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân, không quyết tâm cai nghiện ma túy, mà vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và để có ma túy thỏa mãn cơn nghiện bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội dẫn đến việc phải đứng trước vành móng ngựa hôm nay, chịu sự phán quyết nghiêm khắc của pháp luật.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngày 13/9/2016 Tòa án nhân dân Tối cao có công văn số 276/TANDTC-PC hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Tội tàng trữ tái phép chất ma túy” quy định mức hình phạt thấp hơn so với khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự còn quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về nguồn gốc số ma túy quản lý của bị cáo: Bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi, không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực đê sông H thuộc địa phận xã X, huyện X1, tỉnh Nam Định. Quá trình điều tra chưa xác định được người đàn ông bán heroin cho bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đang tiếp tục tiến hành điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án: Số heroin in thu giữ của bị cáo được hoàn trả sau giám định là 0,2888 gam - cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Trần Đình B 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2017.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử tịch thu tiêu hủy 0,2888 gam hêrôin quản lý của Trần Đình B được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 11/KLGD của phòng Kỹ thuật hình sự Công tỉnh Thái Bình.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Trần Đình B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/03/2017.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận

- VKSND huyện, Công an huyện, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Bình